

Số.: 20240328/FUEKIVFS-CBTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

### CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

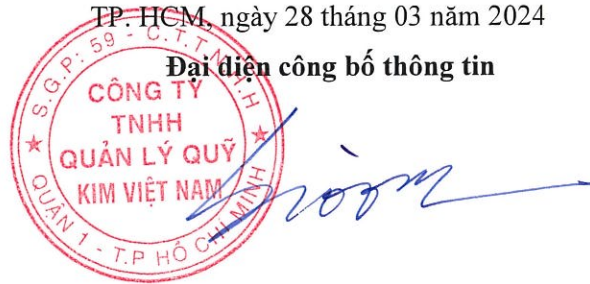
Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;  
- Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM.

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.  
- Tên quỹ niêm yết: **Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT**.  
- Mã chứng khoán: **FUEKIVFS**  
- Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1807 – 1808, Tầng 18, Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
- Điện thoại/ Phone number: (028) 3824 2220 Fax: (028) 3824 2225  
- Email: [etf@koreainvestment.com.vn](mailto:etf@koreainvestment.com.vn) Website: <https://koreainvestment.com.vn/>
- Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính đã kiểm toán - Năm 2023**.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ vào ngày 28/03/2024 tại đường dẫn: <https://koreainvestment.com.vn/vn/home/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm/Attachments:**

Báo cáo Tài chính đã kiểm toán - Năm 2023

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2024  
**Đại diện công bố thông tin**  


**Yun Hang Jin**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

# **Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 11
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	12
Báo cáo kiểm toán độc lập	13 - 14
Báo cáo thu nhập	15
Báo cáo tình hình tài chính	16 - 17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF	18
Báo cáo danh mục đầu tư	19 - 20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	21 - 22
Thuyết minh báo cáo tài chính	23 - 52

# Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSECT

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT (“Quỹ”) là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là “quỹ ETF”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 50/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 9 năm 2022. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 63.000.000.000 đồng Việt Nam (“VND”). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 6.300.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá hoán đổi lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 280.000.000.000 VND, tương đương với 28.000.000 chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 172/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 6 năm 2022.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 798/QĐ-SGDHCM ngày 26 tháng 10 năm 2022 với mã chứng khoán FUEKIVFS và chính thức giao dịch từ ngày 11 tháng 11 năm 2022.

Điều lệ hoạt động Quỹ ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VNFINSELECT do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, Phòng 1807 - 1808, Tầng 18 Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

# Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Ngô Thị Minh Nghĩa	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 15 tháng 8 năm 2022
Bà Lê Hoàng Dung	Thành viên độc lập	Ngày 15 tháng 8 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Lam	Thành viên không độc lập	Ngày 15 tháng 8 năm 2022

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yun Hang Jin, chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ, báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



  
Ông Yun Hang Jin  
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

#### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

##### 1. Tên của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT (“Quỹ”).

##### 2. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VNFINSELECT sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VNFINSELECT là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

##### 3. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/chứng chỉ quỹ (CCQ) là 25,02% so với NAV/CCQ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022;

Trong khi giá trị của chỉ số tham chiếu thay đổi là 24,42% so với tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

##### 4. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỉ lệ lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu bằng cách đầu tư vào Danh mục Chứng khoán cơ cấu của Chỉ số tham chiếu. Khi danh mục trên có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với Chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm và không hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá cao.

Với việc đầu tư thụ động bám sát chỉ số, Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT hướng tới giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

##### 5. Phân loại Quỹ

Quỹ hoán đổi danh mục.

##### 6. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ số 50/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

##### 7. Mức độ rủi ro của Quỹ: Trung bình

##### 8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 294.926.449.265 VND và vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 280.000.000.000 VND, tương đương với số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 28.000.000 chứng chỉ quỹ.

##### 9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, chỉ số VNFINSELECT tại thời điểm báo cáo là 1.851,79.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### 10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ Quỹ;
- Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn mười (10) tỷ đồng.

Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề suất của Công ty Quản lý Quỹ và phải được Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp nhận.

Nhà Đầu tư có trong Danh sách Nhà Đầu tư tại Ngày giao dịch được công bố bởi Công ty Quản lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Chứng chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

#### 11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

### II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

#### 1. Cơ cấu tài sản quỹ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	%	%
Danh mục chứng khoán	99,73	99,52
Các tài sản khác	0,27	0,48
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

#### 2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	294.926.449.265	64.871.254.679
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	28.000.000	7.700.000
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	10.533,08	8.424,83
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	11.344,91	8.877,66
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	8.423,82	6.973,50
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo	10.600	8.420
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	11.290	8.820
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	8.570	7.330
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	25,02%	Không áp dụng
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,27%	3,06%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	17,37%	23,08%

(\*) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

#### 3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm	25,02%	25,02%
3 năm (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập (ngày 22/09/2022) (**)	23,25%	23,25%
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	24,42%	41,15%

(\*) Công thức tính tăng trưởng hàng năm trong giai đoạn 3 năm:

$$R = \sqrt[3]{(1 + R1)(1 + R2)(1 + R3)} - 1$$

(\*\*) Công thức tính tăng trưởng hàng năm từ khi thành lập:

$$R = \sqrt[n]{(1 + R1)(1 + R2) \dots (1 + Rn)} - 1$$

### III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

#### 1. Kinh tế vĩ mô

Năm 2023 là một năm mà nền kinh tế thế giới đối mặt với nhiều thách thức và bất ổn, và Việt Nam cũng nằm trong xu thế chung chịu ảnh hưởng của những biến động này. Lạm phát giảm nhẹ nhưng vẫn ở mức cao, nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ chặt chẽ và lãi suất cao. Thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm do tăng cường biện pháp bảo hộ thương mại. Dầu vậy trong năm 2023, kinh tế Việt Nam vẫn đạt được nhiều thành tựu tích cực và được các tổ chức quốc tế đánh giá cao.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

#### 1. Kinh tế vĩ mô (tiếp theo)

Lạm phát tổng thể có nhiều biến động trong năm 2023 nhưng vẫn giữ mức 3,25%, đạt mục tiêu của Quốc hội đề ra. Lạm phát tại tháng 01/2023 tăng cao với 4,89%, áp lực lạm phát rất lớn và giảm dần đến tháng 6/2023 chỉ còn 2%, đến tháng 12 tăng 3,58%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ giá xăng dầu trong nước giảm liên tục theo giá thế giới làm cho chỉ số giá nhóm xăng dầu so với cùng kỳ năm trước. Cao hơn so với CPI bình quân chung, lạm phát cơ bản tăng 4,16% so với năm 2022. Trong năm 2024, dự báo áp lực lạm phát có thể gia tăng do giá nguyên liệu đầu vào thế giới đang ở mức cao và đồng đô la Mỹ tăng giá làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu, gây sức ép lên mặt bằng giá hàng hóa trong nước.

Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2023 ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284,5 USD, tăng 160 USD so với năm 2022. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 199,3 triệu đồng/lao động (tương đương 8.380 USD/lao động, tăng 274 USD so với năm 2022); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 3,65% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2023 ước đạt 27%, cao hơn 0,6 điểm phần trăm so với năm 2022).

Năm 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh giảm lãi suất điều hành tổng cộng 4 lần, từ 0,5 - 2% mỗi năm, và yêu cầu các tổ chức tín dụng cắt giảm chi phí để giảm lãi suất cho vay. Sau điều chỉnh cuối cùng, lãi suất cho vay qua đêm và tái cấp vốn giảm xuống 5%/năm và 4,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu giảm xuống 3%/năm. Lãi suất cho vay và tiền gửi đã giảm, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng với chi phí thấp hơn. Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng vẫn thấp hơn mục tiêu do sự giảm đầu tư, sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng dẫn đến nhu cầu vay giảm, cùng với khó khăn trong thị trường bất động sản.

#### 2. Thị trường chứng khoán

Trong năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có diễn biến tích cực ban đầu, với VN-Index tăng gần 24% và đạt mức cao nhất là hơn 1.255 điểm vào đầu tháng 9. Điều này được thúc đẩy bởi chính sách tiền tệ nới lỏng của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm 4 lần cắt giảm lãi suất nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên, sau đó thị trường đã điều chỉnh, và VN-Index đã giảm hơn 200 điểm trong khoảng gần 2 tháng. Thành quả của giai đoạn trước gần như bị hủy bỏ do yếu tố ngoại biên. Chỉ số DXY (đo lường sức mạnh đồng USD) đã tăng hơn 7% từ giữa tháng 7 đến đầu tháng 10, tạo áp lực lên tỷ giá, và Ngân hàng Nhà nước đã can thiệp bằng cách rút một lượng lớn tiền về hệ thống thông qua kênh tín phiếu. Đồng thời, khối ngoại tiếp tục bán ròng, ảnh hưởng đến tâm lý của nhà đầu tư trong nước. Mặc dù yếu tố vĩ mô trong nước vẫn tích cực (tăng trưởng GDP quý III đạt 5,3%, quý IV đạt 6,72%, lạm phát được kiểm soát, lãi suất tiếp tục giảm...), VN-Index vẫn giảm điểm.

Cuối năm, VN-Index dao động quanh ngưỡng 1.100 điểm, và đóng cửa phiên cuối cùng vào ngày 29/12 ở mức 1.129,93 điểm, tăng 12,1% so với cuối năm 2022.

Trong năm 2023, thị trường chứng khoán ở Việt Nam có độ nhạy cao với chính sách tiền tệ. Thị trường có sự phấn khích và tăng mạnh sau các động thái cắt giảm lãi suất liên tiếp của Ngân hàng Nhà nước, nhưng lại phản ứng tiêu cực khi có động thái hút tiền từ cơ quan này để ổn định tỷ giá. Trong hai tháng cuối năm, sau khi Ngân hàng Nhà nước ngừng hút tiền, thanh khoản của hệ thống ngân hàng ổn định trở lại, và thị trường chứng khoán trải qua một giai đoạn hồi phục nhẹ trước khi đi ngang.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
 Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

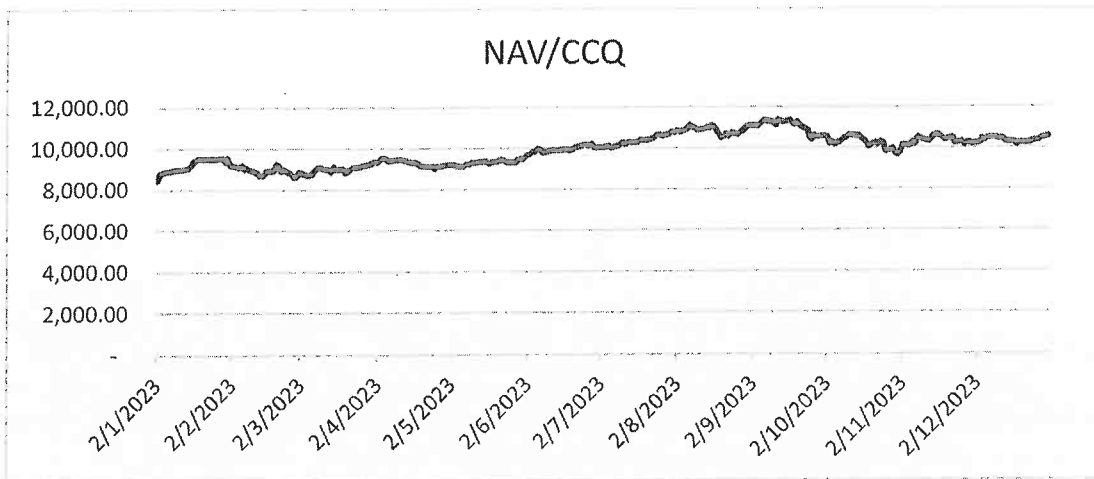
**IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

**1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

	<u>1 năm đến thời điểm báo cáo</u>	<u>3 năm đến thời điểm báo cáo</u>	<u>Từ khi thành lập %</u>
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị quỹ	24,42%	Không áp dụng	41,15%
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị quỹ	25,02%	Không áp dụng	23,25%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

(\*) Chỉ tiêu này tính từ ngày Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT được chính thức niêm yết trên sàn HSX (Ngày 26 tháng 10 năm 2022).

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</u>	<u>Tỷ lệ thay đổi %</u>
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	294.926.449.265	64.871.254.679	354,63%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	10.533,08	8.424,83	25,02%

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

#### 2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 10.000	37	13.500	0,05%
Từ 10.000 đến 50.000	1	12.900	0,05%
Từ 50.000 đến 500.000	5	772.500	2,76%
Trên 500.000	9	27.201.100	97,14%
<b>Tổng cộng</b>	<b>52</b>	<b>28.000.000</b>	<b>100,00%</b>

#### 3. Chi phí ngầm và giảm giá

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam cam kết không có chi phí ngầm và giảm giá trong suốt quá trình quản lý hoạt động của Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT và luôn bảo đảm tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF.

### V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, thị trường chứng khoán Việt Nam (TTCK) vẫn đạt được kết quả tích cực. Đến cuối năm 2023, chỉ số VN-Index đạt 1.129,93 điểm, tăng 12,19% so với cuối năm 2022. Thanh khoản trên thị trường cổ phiếu đạt trên 17.500 tỷ đồng mỗi phiên. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu ước đạt gần 6.000.000 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cuối năm 2022. Thị trường phái sinh cũng duy trì ổn định với khối lượng giao dịch trung bình đạt 236.867 hợp đồng trên một phiên và số lượng tài khoản chứng khoán tăng lên 7,4 triệu tài khoản. Hoạt động đấu thầu trái phiếu cũng tăng 54,9% so với năm 2022. Hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cũng đi vào hoạt động, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của thị trường.

Thách thức lớn nhất của TTCK được dự đoán sẽ nằm ở các yếu tố vĩ mô của kinh tế thế giới và Việt Nam như vấn đề tỷ giá, lạm phát. Các đối tác thương mại lớn của Việt Nam, như châu Âu đang gặp khó khăn, Mỹ đang trong giai đoạn cuối của việc siết chặt chính sách tiền tệ, và Trung Quốc đang đối mặt với khó khăn trong thị trường bất động sản.

Dự báo kịch bản thị trường cho năm 2024, tăng trưởng lợi nhuận năm 2023 của các doanh nghiệp niêm yết trên toàn thị trường chỉ có thể đạt mức khoảng 3,6%. Tuy nhiên, năm 2024, dự báo lợi nhuận tăng trưởng của thị trường được ước tính có thể đạt mức 16,8%. Động lực chủ yếu đến từ những lĩnh vực sẽ phục hồi so với năm 2023 như: bán lẻ, vật liệu cơ bản, hàng hóa, điện hay ngân hàng... Điểm rơi lợi nhuận của thị trường trong năm 2024 có thể rơi vào quý III với mức tăng trưởng khoảng 30%.

Dựa trên kịch bản về tăng trưởng lợi nhuận khoảng 16,8% trong năm 2024, kết hợp với cả mức P/E dự báo khoảng 12 - 12,5 lần, theo các chuyên gia dự báo, trong kịch bản cơ sở với xác suất là 70%, VN-Index có thể đạt mức 1.300 đến 1.350 điểm.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN KHÁC

**Thông tin về Nhân sự điều hành quỹ và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ**

### **Ông Yun Hang Jin - Chủ tịch Hội đồng thành viên**

Ông Yun Hang Jin là chuyên gia cao cấp có hơn 20 năm kinh nghiệm tại các thị trường mới nổi, đặc biệt là Trung Quốc và Việt Nam. Ông Yun Hang Jin đã làm việc tại các tổ chức tài chính hàng đầu Hàn Quốc như Công ty Chứng khoán LG, Công ty Chứng khoán Korea Investment ... Tại Việt Nam, ông Yun Hang Jin trước đó đảm nhiệm chức danh Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty Korea Investment Management Co., Ltd. Tại TP. Hồ Chí Minh; hiện ông Yun Hang Jin là Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.

### **Ông Huỳnh Tuấn Khánh - Tổng giám đốc**

Ông Huỳnh Tuấn Khánh có chứng chỉ Đầu tư tài chính CFA và Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán nhà nước Việt Nam cấp. Ông Huỳnh Tuấn Khánh có trên 12 năm kinh nghiệm làm việc tại các công ty trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính như Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife, Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt, Ngân Hàng Á Châu.

### **Ông Lee Joon Sang - Giám đốc Khối đầu tư**

Ông Lee Joon Sang có các chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản do Hàn Quốc và Ủy ban Chứng khoán Việt Nam cấp. Ông Lee Joon Sang đảm nhiệm các hoạt động nghiên cứu thị trường và đầu tư của Công ty Korea Investment Management Co., Ltd (Hàn Quốc) tại thị trường Việt Nam từ năm 2023. Trước đó ông từng có nhiều năm làm việc tại TongYang Asset Management, KIS Vietnam Securities, Ciel Partners Asia.

### **Ông Trương Vĩnh An - Giám đốc Đầu tư**

Ông Trương Vĩnh An có chứng chỉ Phân tích tài chính (CFA) và Chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản do Ủy ban Chứng khoán Việt Nam cấp. Ông Trương Vĩnh An có nhiều năm làm việc tại các công ty chứng khoán và quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam trước khi gia nhập KIM Việt Nam. Hiện ông Trương Vĩnh An phụ trách quản lý danh mục cho Quỹ TVAM Vietnam Equity Fund (Nhật Bản) của KIM Việt Nam.

### **Ông Nguyễn Xuân Huy - Giám đốc Đầu tư**

Ông Nguyễn Xuân Huy là chuyên gia phân tích và đầu tư với nhiều năm làm việc tại các quỹ đầu tư hàng đầu Việt Nam như PXP Vietnam Asset Management, Vinacapital.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

**Ông Vũ Giang Sơn - Phó Giám đốc Đầu tư**

Ông Vũ Giang Sơn gia nhập KIM Việt Nam từ năm 2021, đảm nhiệm thiết kế và xây dựng các sản phẩm đầu tư thụ động của Công ty. Trước đó, ông Vũ Giang Sơn đã từng làm việc tại Ngân hàng Techcombank và Công ty Chứng khoán BIDV. Ông Vũ Giang Sơn có chứng chỉ Phân tích tài chính (CFA).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2024 ngày 27  
tháng 3 năm 2024

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**YUN HANG JIN**

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng Giám sát của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT (“Quỹ”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Trong năm, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



**Trí Thanh**

**Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

**Vũ Trường Sơn**

Số tham chiếu: 61897579/67611772

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Nhà đầu tư của Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT (“Quỹ”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 15 đến trang 52, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và các thuyết minh báo cáo tài chính.

### ***Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ***

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


### **Vấn đề cần nhấn mạnh**


Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.4 của báo cáo tài chính. Kỳ kế toán năm áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính kèm theo là từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, trong khi kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan là không so sánh được với dữ liệu của kỳ tài chính hiện tại.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Nguyễn Phương Nga  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

  
Trần Thị Thu Hiền  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
 Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

B01-ETF

BÁO CÁO THU NHẬP  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
<b>01</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>26.704.200.666</b>	<b>(7.977.122.961)</b>
02	1.1 Cổ tức được chia	12	2.973.113.000	1.235.297.570
03	1.2 Tiền lãi được nhận	12	3.434.566	12.282.719
04	1.3 Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	13	2.429.149.904	(4.895.194.125)
05	1.4 Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	21.298.503.196	(4.329.509.125)
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>90.121.409</b>	<b>10.782.699</b>
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	14	90.121.409	10.782.699
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF</b>		<b>2.226.290.662</b>	<b>465.111.279</b>
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ ETF		1.090.910.659	93.434.710
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	15	282.275.920	69.610.579
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		66.205.553	18.150.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF		198.000.000	54.450.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		65.999.992	9.166.674
20.6	3.6 Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF	16	263.222.657	52.643.835
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		140.318.519	81.481.481
20.11	3.8 Chi phí hoạt động khác	17	119.357.362	86.174.000
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>24.387.788.595</b>	<b>(8.453.016.939)</b>
<b>30</b>	<b>V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>24.387.788.595</b>	<b>(8.453.016.939)</b>
31	5.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		3.089.285.399	(4.123.507.814)
32	5.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		21.298.503.196	(4.329.509.125)
<b>41</b>	<b>VI. LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>24.387.788.595</b>	<b>(8.453.016.939)</b>

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý  
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin  
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
 Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

B02-ETF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>			
<b>110</b>	<b>1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>794.082.765</b>	<b>287.643.991</b>
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		794.082.765	287.643.991
111.2	1.1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		794.082.765	287.643.991
<b>120</b>	<b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>		<b>294.717.613.350</b>	<b>64.807.449.250</b>
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	294.717.613.350	64.807.449.250
<b>130</b>	<b>3. Các khoản phải thu</b>		-	<b>21.700.000</b>
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	6	-	21.700.000
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		-	21.700.000
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>295.511.696.115</b>	<b>65.116.793.241</b>
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7	1.500.000	1.650.000
316	2. Chi phí phải trả	8	153.900.000	106.331.481
319	3. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	9	429.846.850	137.557.081
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>585.246.850</b>	<b>245.538.562</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF</b>		<b>294.926.449.265</b>	<b>64.871.254.679</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		280.000.000.000	77.000.000.000
412	1.1 Vốn góp phát hành	10	280.000.000.000	77.000.000.000
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	10	(1.008.322.391)	(3.675.728.382)
420	3. Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối	11	15.934.771.656	(8.453.016.939)
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>10</b>	<b>10.533,09</b>	<b>8.424,83</b>

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành	10	28.000.000	7.700.000

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý  
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Lưu Hoàng Jin  
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý KIM Việt Nam  
 Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

B03-ETF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
I	<b>Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (NAV) đầu năm</b>	<b>64.871.254.679</b>	-
II	<b>Thay đổi NAV trong năm</b>	<b>24.387.788.595</b>	<b>(8.453.016.939)</b>
II.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong năm	24.387.788.595	(8.453.016.939)
III	<b>Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ ETF</b>	<b>205.667.405.991</b>	<b>73.324.271.618</b>
III.1	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ ETF	205.667.405.991	73.324.271.618
IV	<b>Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối năm</b>	<b>294.926.449.265</b>	<b>64.871.254.679</b>

Người lập:



Bà Võ Xuân Quý  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin  
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
 Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

B04-ETF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 %
<b>I</b>	<b>CỔ PHIẾU NIÊM YẾT</b>			<b>294.717.613.350</b>	<b>99,73%</b>
1	ACB	1.247.965	23.900	29.826.363.500	10,09%
2	AGR	24.107	16.050	386.917.350	0,13%
3	BIC	6.400	25.250	161.600.000	0,05%
4	BID	83.052	43.400	3.604.456.800	1,22%
5	BMI	13.720	21.350	292.922.000	0,10%
6	BSI	9.880	47.500	469.300.000	0,16%
7	BVH	27.200	39.500	1.074.400.000	0,36%
8	CTG	287.768	27.100	7.798.512.800	2,64%
9	CTS	14.300	28.300	404.690.000	0,14%
10	EIB	558.639	18.350	10.251.025.650	3,47%
11	EVF	250.300	16.000	4.004.800.000	1,36%
12	FTS	42.550	44.650	1.899.857.500	0,64%
13	HCM	82.400	34.200	2.818.080.000	0,95%
14	HDB	721.945	20.300	14.655.483.500	4,96%
15	LPB	820.738	15.750	12.926.623.500	4,37%
16	MBB	1.023.975	18.650	19.097.133.750	6,46%
17	MIG	22.155	18.900	418.729.500	0,14%
18	MSB	606.120	13.000	7.879.560.000	2,67%
19	OCB	403.050	13.300	5.360.565.000	1,81%
20	ORS	62.100	17.000	1.055.700.000	0,36%
21	SHB	1.032.180	10.800	11.147.544.000	3,77%
22	SSB	481.902	23.900	11.517.457.800	3,90%
23	SSI	374.200	32.800	12.273.760.000	4,15%
24	STB	672.200	27.950	18.787.990.000	6,36%
25	TCB	815.100	31.800	25.920.180.000	8,77%
26	TPB	470.948	17.400	8.194.495.200	2,77%
27	TVS	32.900	21.100	694.190.000	0,23%
28	VCB	219.695	80.300	17.641.508.500	5,97%
29	VCI	110.000	42.750	4.702.500.000	1,59%
30	VDS	30.400	17.100	519.840.000	0,18%
31	VIB	497.540	19.600	9.751.784.000	3,30%
32	VIX	227.380	17.100	3.888.198.000	1,32%
33	VND	326.900	22.250	7.273.525.000	2,46%
34	VPB	1.980.100	19.200	38.017.920.000	12,88%
<b>II</b>	<b>QUYỀN MUA CỔ PHIẾU</b>			-	<b>0,00%</b>
<b>III</b>	<b>CÁC TÀI SẢN KHÁC</b>			-	<b>0,00%</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>		<b>24.387.788.595</b>	<b>(8.453.016.939)</b>
01.1	Điều chỉnh (lãi)/lỗ do việc mua hộ chứng khoán hạn chế	13	(161.586.043)	4.449.835.180
<b>02</b>	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư</b>		<b>(21.158.184.677)</b>	<b>4.410.990.606</b>
03	(Lãi)/lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(21.298.503.196)	4.329.509.125
04	Chi phí trích trước		140.318.519	81.481.481
<b>05</b>	<b>3. Lợi nhuận sử dụng vào hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>3.068.017.875</b>	<b>407.808.847</b>
20	Tăng các khoản đầu tư		(53.911.946.861)	(37.379.662.555)
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		21.700.000	(21.700.000)
13	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(150.000)	1.650.000
16	(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác		(92.750.000)	24.850.000
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF		292.289.769	137.557.081
<b>19</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(50.622.839.217)</b>	<b>(36.829.496.627)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ (*)		51.129.277.991	37.117.140.618
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>51.129.277.991</b>	<b>37.117.140.618</b>
<b>40</b>	<b>III. Tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>506.438.774</b>	<b>287.643.991</b>
<b>50</b>	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>287.643.991</b>	-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		287.643.991	-
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		287.643.991	-



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
55	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	4	<b>794.082.765</b>	<b>287.643.991</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		794.082.765	287.643.991
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		794.082.765	287.643.991
60	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm</b>		<b>506.438.774</b>	<b>287.643.991</b>

(\*) Bao gồm dòng tiền trong giao dịch chứng khoán hạn chế cho giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý  
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Huỳnh Hàng Jin  
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

**1.1 Thông tin về Quỹ**

**Quỹ**

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT (“Quỹ”) là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là “quỹ ETF”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 50/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 9 năm 2022. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 63.000.000.000 đồng Việt Nam (“VND”). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 6.300.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá hoán đổi lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 280.000.000.000 VND, tương đương với 28.000.000 chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 172/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 6 năm 2022.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 798/QĐ-SGDHCM ngày 26 tháng 10 năm 2022 với mã chứng khoán FUEKIVFS và chính thức giao dịch từ ngày 11 tháng 11 năm 2022.

Điều lệ hoạt động Quỹ ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VNFINSELECT do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam, Phòng 1807 – 1808, Tầng 18 Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

**Công ty Quản lý Quỹ**

Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam. Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ**

**Quy mô vốn**

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng là 63.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 280.000.000.000 VND, tương đương với 28.000.000 chứng chỉ quỹ.

**Mục tiêu đầu tư**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ số Tham chiếu VNFINSELECT sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VNFINSELECT là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

**Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ**

*Ngày định giá*

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ, lễ.

*Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

**Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ**

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày nếu ngày đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)**

**Hạn chế đầu tư**

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản Cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục ("Thông tư 98"), cụ thể như sau:

- ▶ Quỹ không được đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền của các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ đại chúng, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
  - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, cá nhân có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục được quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chỉ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

### **2.4 Thông tin so sánh**

Kỳ kế toán năm áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính này là từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, trong khi kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày của dữ liệu tương ứng là từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại do khác biệt về kỳ báo cáo.

### **2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

### **2.6 Cam kết tuân thủ**

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### 3.3 Các khoản đầu tư

##### *Ghi nhận ban đầu*

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

##### *Ghi nhận tiếp theo*

Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo được xác định là giá mua cổ phiếu hoặc giá trị sổ sách của cổ phiếu.

Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm đánh giá và giá ghi sổ của chúng được phản ánh vào khoản mục "*Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện*" trên báo cáo thu nhập.

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

*Quyền mua cổ phiếu:* Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

##### *Nguyên tắc định giá*

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Thông tư 98 như sau:

##### *Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán*

- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
  - ▶ Giá trị sổ sách; hoặc
  - ▶ Giá mua; hoặc
  - ▶ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

##### *Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

##### *Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư*

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá hoán đổi hoặc mua vào của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

#### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi cổ phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

#### 3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (2) số thập phân.

##### *Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

##### *Vốn góp hoán đổi lại*

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

##### *Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư*

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá hoán đổi lại chứng chỉ quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có).

Giá hoán đổi lại là mức giá mà Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá hoán đổi lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có).

##### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ kế toán là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư (tiếp theo)**

*Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư*

Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT sẽ không phân phối lợi nhuận.

**3.7 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết*

Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát.

**3.8 Chi phí**

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền.

*Phí quản lý quỹ*

Phí quản lý quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý cho Quỹ. Phí quản lý quỹ là  $0,6\% \times \text{NAV}/\text{năm}$  và được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí quản lý quỹ cho kỳ định giá = "Tỷ lệ (%) phí dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Phí dịch vụ" x "NAV tại ngày trước Ngày định giá" x "số ngày thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)".

*Phí dịch vụ lưu ký*

Phí dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Lưu ký và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Phí dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Lưu ký là  $0,06\% \text{NAV}/\text{năm}$  không bao gồm VAT, với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng một tháng. Phí dịch vụ trả hàng tháng là tổng phí dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí (tiếp theo)**

*Phí dịch vụ giám sát*

Phí dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Quỹ. Phí dịch vụ giám sát được tính là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm VAT), với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng một tháng (chưa bao gồm VAT). Phí dịch vụ trả hàng tháng là tổng phí dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

*Phí dịch vụ quản trị Quỹ*

Phí dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát là 0,03% NAV/năm (chưa bao gồm VAT), với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng (chưa bao gồm VAT). Phí dịch vụ trả hàng tháng là tổng phí dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

*Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng*

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng này chưa bao gồm mức phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người sở hữu chứng chỉ quỹ niêm yết này là 1.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán dưới 500 người, 2.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 500 người đến dưới 1.000 người, 3.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 1.000 người đến dưới 5.000 người, 4.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng trên 5.000 người, mức giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng quý.

*Phí dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số tham chiếu*

Phí dịch vụ sử dụng chỉ số tham chiếu được trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số VNFINSELECT. Phí dịch vụ sử dụng chỉ số tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Phí dịch vụ này được quy định theo bảng dưới đây (chưa bao gồm VAT):

Chỉ số	Tiền dịch vụ cung cấp tối thiểu/năm (VND)	Tiền cung cấp dịch vụ cơ bản (% NAV/năm)			
		Dưới 500 tỷ đồng	Từ 500 đến dưới 1.000 tỷ đồng	Từ 1.000 đến dưới 2.000 tỷ đồng	Từ 2.000 tỷ đồng trở lên
VNFINSELECT	165.000.000	0,055	0,045	0,035	0,025

*Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu*

Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu là 0,05% NAV/năm với mức tối thiểu là 50.000.000 VND/năm (chưa bao gồm VAT). Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí (tiếp theo)**

*Thù lao Ban Đại diện Quỹ*

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ đối với Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện Quỹ đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

*Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán*

Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Lưu ký là 0,03% giá trị giao dịch, tối thiểu là 100.000 VND/ngày giao dịch.

**3.9 Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

*a. Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

*b. Giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch hoán đổi lại này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các bên liên quan**

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**3.11 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của quỹ ETF	<b>794.082.765</b>	<b>287.643.991</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VFINSELECT

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch thuần VND	
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>						
Cổ phiếu niêm yết	277.748.619.279	294.717.613.350	20.431.794.887	(3.462.800.816)	16.968.994.071	294.717.613.350
	<b>277.748.619.279</b>	<b>294.717.613.350</b>	<b>20.431.794.887</b>	<b>(3.462.800.816)</b>	<b>16.968.994.071</b>	<b>294.717.613.350</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>						
Cổ phiếu niêm yết	69.136.958.375	64.807.449.250	966.037.543	(5.295.546.668)	(4.329.509.125)	64.807.449.250
	<b>69.136.958.375</b>	<b>64.807.449.250</b>	<b>966.037.543</b>	<b>(5.295.546.668)</b>	<b>(4.329.509.125)</b>	<b>64.807.449.250</b>
<b>Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập</b>						<b>21.298.503.196</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	<b>21.700.000</b>

**7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Thuế thu nhập cá nhân - Thù lao ban đại diện Quỹ	<b>1.500.000</b>	<b>1.650.000</b>

**8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Trích trước - Phí kiểm toán	140.400.000	81.481.481
Trích trước - Thù lao Ban đại diện Quỹ	13.500.000	14.850.000
Trích trước - Phí quản lý thường niên cho Ủy ban Chứng khoán	-	10.000.000
	<b>153.900.000</b>	<b>106.331.481</b>

**9. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Trích trước - Phí quản lý Quỹ ETF	147.469.506	33.746.572
Trích trước - Phí dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	144.917.839	45.657.541
Trích trước - Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả HOSE	78.958.439	6.986.294
Trích trước - Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	20.000.000	20.000.000
Trích trước - Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF	16.500.000	16.500.000
Trích trước - Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	16.500.000	9.166.674
Trích trước - Phí dịch vụ giám sát	5.501.066	5.500.000
	<b>429.846.850</b>	<b>137.557.081</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Phát sinh trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	7.700.000	20.300.000	28.000.000
Giá trị ghi theo mệnh giá	77.000.000.000	203.000.000.000	280.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành	(3.675.728.382)	2.667.405.991	(1.008.322.391)
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ ETF	73.324.271.618	205.667.405.991	278.991.677.609
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	-	-	-
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	-	-
Thặng dư vốn góp hoán đổi lại	-	-	-
Tổng giá trị hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ ETF	-	-	-
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>	<b>7.700.000</b>	<b>20.300.000</b>	<b>28.000.000</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>73.324.271.618</b>	<b>205.667.405.991</b>	<b>278.991.677.609</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>(8.453.016.939)</b>	<b>24.387.788.595</b>	<b>15.934.771.656</b>
<b>Giá trị tài sản ròng hiện hành</b>	<b>64.871.254.679</b>		<b>294.926.449.265</b>
<b>Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ</b>	<b>8.424,83</b>		<b>10.533,08</b>

**11. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Phát sinh trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
(Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện	(4.123.507.814)	3.089.285.399	(1.034.222.415)
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(4.329.509.125)	21.298.503.196	16.968.994.071
	<b>(8.453.016.939)</b>	<b>24.387.788.595</b>	<b>15.934.771.656</b>

**12. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA VÀ TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN TỪ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Cổ tức được chia	2.973.113.000	1.235.297.570
Cổ tức đã nhận	2.973.113.000	1.213.597.570
Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	-	21.700.000
Tiền lãi được nhận	3.434.566	12.282.719
	<b>2.976.547.566</b>	<b>1.247.580.289</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Năm nay VND	VND
Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	2.267.563.861	(445.358.945)
Lãi/(lỗ) giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ	161.586.043	(4.449.835.180)
	<b>2.429.149.904</b>	<b>(4.895.194.125)</b>

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Tổng giá trị bán/ giá trị chứng khoán mua vào cho giao dịch hoán đổi VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch/ giá trị hoán đổi VND	Lãi bán chứng khoán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>			
Lãi bán các khoản đầu tư	<b>30.715.220.000</b>	<b>28.447.656.139</b>	<b>2.267.563.861</b>

**14. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Năm nay VND	VND
Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư	44.048.568	6.367.162
Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư	46.072.841	4.415.537
	<b>90.121.409</b>	<b>10.782.699</b>

**15. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI KHOẢN ETF**

	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Năm nay VND	VND
Phí dịch vụ lưu ký – bảo quản tài sản	240.000.000	66.000.000
Phí dịch vụ lưu ký trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”)	23.837.037	1.389.332
Phí dịch vụ lưu ký – giao dịch chứng khoán	18.438.883	2.221.247
	<b>282.275.920</b>	<b>69.610.579</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. PHÍ DỊCH VỤ KHÁC CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO QUỸ ETF**

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>Năm nay VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí cung cấp dịch vụ tính chỉ số tham chiếu trả HOSE	97.694.809	6.986.294
Chi phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	165.527.848	45.657.541
	<b>263.222.657</b>	<b>52.643.835</b>

**17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>Năm nay VND</i>	<i>VND</i>
Thù lao Ban đại diện Quỹ	60.000.000	16.500.000
Chi phí quản lý niêm yết của HOSE	30.000.000	5.000.000
Phí thực hiện quyền trả VSD	18.000.000	3.300.000
Phí đăng ký niêm yết bổ sung trả VSD	6.000.000	1.000.000
Chi phí thường niên trả Ủy ban Chứng khoán	2.500.000	10.000.000
Chi phí ngân hàng	1.848.002	374.000
Chi phí in ấn, gửi thư	1.009.360	-
Chi phí thiết lập Quỹ	-	50.000.000
	<b>119.357.362</b>	<b>86.174.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**

Giá trị tài sản ròng cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính		Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
				NAV VND	NAV/CCQ VND	
1	2/1/2023	64.863.444.676	7.700.000	8.423,82		
2	3/1/2023	67.307.109.307	7.700.000	8.741,18		317,36
3	4/1/2023	67.383.018.440	7.700.000	8.751,04		9,86
4	5/1/2023	68.078.892.884	7.700.000	8.841,41		90,37
5	8/1/2023	68.474.364.655	7.700.000	8.892,77		51,36
6	9/1/2023	68.832.531.720	7.700.000	8.939,28		46,51
7	10/1/2023	68.804.603.603	7.700.000	8.935,66		(3,62)
8	11/1/2023	68.837.986.248	7.700.000	8.939,99		4,33
9	12/1/2023	69.017.986.404	7.700.000	8.963,37		23,38
10	15/1/2023	69.555.177.292	7.700.000	9.033,13		69,76
11	16/1/2023	70.382.187.273	7.700.000	9.140,54		107,41
12	17/1/2023	72.068.609.561	7.700.000	9.359,55		219,01
13	18/1/2023	72.455.624.807	7.700.000	9.409,82		50,27
14	19/1/2023	73.037.476.788	7.700.000	9.485,38		75,56
15	26/1/2023	73.009.202.630	7.700.000	9.481,71		(3,67)
16	29/1/2023	73.267.360.921	7.700.000	9.515,24		33,53
17	30/1/2023	71.920.218.538	7.700.000	9.340,28		(174,96)
18	31/1/2023	73.319.621.351	7.700.000	9.522,02		181,74
19	1/2/2023	70.572.761.065	7.700.000	9.165,29		(356,73)
20	2/2/2023	70.489.461.589	7.700.000	9.154,47		(10,82)
21	5/2/2023	69.819.280.280	7.700.000	9.067,43		(87,04)
22	6/2/2023	70.606.834.604	7.700.000	9.169,71		102,28
23	7/2/2023	69.116.993.869	7.700.000	8.976,23		(193,48)
24	8/2/2023	69.483.679.936	7.700.000	9.023,85		47,62
25	9/2/2023	69.033.702.630	7.700.000	8.965,41		(58,44)
26	12/2/2023	67.931.990.758	7.700.000	8.822,33		(143,08)
27	13/2/2023	66.742.562.326	7.700.000	8.667,86		(154,47)
28	14/2/2023	66.708.945.446	7.700.000	8.663,49		(4,37)
29	15/2/2023	67.279.747.263	7.700.000	8.737,62		74,13
30	16/2/2023	68.374.379.066	7.700.000	8.879,78		142,16
31	19/2/2023	68.566.867.830	7.700.000	8.904,78		25,00
32	20/2/2023	71.014.638.741	7.700.000	9.222,68		317,90
33	21/2/2023	70.396.674.000	7.700.000	9.142,42		(80,26)
34	22/2/2023	68.436.510.511	7.700.000	8.887,85		(254,57)
35	23/2/2023	68.952.969.883	7.700.000	8.954,93		67,08
36	26/2/2023	67.405.786.829	7.700.000	8.753,99		(200,94)
37	27/2/2023	66.111.983.719	7.700.000	8.585,97		(168,02)
38	28/2/2023	66.209.221.224	7.700.000	8.598,60		12,63
39	1/3/2023	67.996.684.749	7.700.000	8.830,73		232,13
40	2/3/2023	67.790.729.830	7.700.000	8.803,99		(26,74)
41	5/3/2023	66.671.451.806	7.700.000	8.658,63		(145,36)
42	6/3/2023	67.040.046.737	7.700.000	8.706,49		47,86
43	7/3/2023	67.853.053.893	7.700.000	8.812,08		105,59
44	8/3/2023	69.031.686.044	7.700.000	8.965,15		153,07
45	9/3/2023	69.813.414.604	7.700.000	9.066,67		101,52
46	12/3/2023	69.152.410.012	7.700.000	8.980,83		(85,84)
47	13/3/2023	69.007.528.770	7.700.000	8.962,01		(18,82)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính		Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
				NAV VND	NAV/CCQ VND	
48	14/3/2023	68.026.744.301	7.700.000	8.834,64		(127,37)
49	15/3/2023	70.031.849.651	7.700.000	9.095,04		260,40
50	16/3/2023	68.922.687.014	7.700.000	8.950,99		(144,05)
51	19/3/2023	69.233.586.022	7.700.000	8.991,37		40,38
52	20/3/2023	67.699.189.877	7.700.000	8.792,10		(199,27)
53	21/3/2023	68.468.038.334	7.700.000	8.891,95		99,85
54	22/3/2023	69.077.448.748	7.700.000	8.971,09		79,14
55	23/3/2023	69.657.503.331	7.700.000	9.046,42		75,33
56	26/3/2023	69.923.297.134	7.700.000	9.080,94		34,52
57	27/3/2023	70.452.272.415	7.700.000	9.149,64		68,70
58	28/3/2023	70.537.156.778	7.700.000	9.160,66		11,02
59	29/3/2023	70.798.123.351	7.700.000	9.194,56		33,90
60	30/3/2023	71.029.535.510	7.700.000	9.224,61		30,05
61	31/3/2023	71.672.192.788	7.700.000	9.308,07		83,46
62	2/4/2023	71.664.046.294	7.700.000	9.307,01		(1,06)
63	3/4/2023	72.904.057.343	7.700.000	9.468,05		161,04
64	4/4/2023	73.242.389.890	7.700.000	9.511,99		43,94
65	5/4/2023	73.182.247.386	7.700.000	9.504,18		(7,81)
66	6/4/2023	72.186.163.106	7.700.000	9.374,82		(129,36)
67	9/4/2023	72.388.565.877	7.700.000	9.401,11		26,29
68	10/4/2023	72.490.264.162	7.700.000	9.414,32		13,21
69	11/4/2023	72.686.654.905	7.700.000	9.439,82		25,50
70	12/4/2023	72.578.798.821	7.700.000	9.425,81		(14,01)
71	13/4/2023	72.317.863.586	7.700.000	9.391,93		(33,88)
72	16/4/2023	71.492.358.595	7.700.000	9.284,72		(107,21)
73	17/4/2023	71.544.632.071	7.700.000	9.291,51		6,79
74	18/4/2023	71.216.320.974	7.700.000	9.248,87		(42,64)
75	19/4/2023	70.378.478.060	7.700.000	9.140,06		(108,81)
76	20/4/2023	70.188.324.172	7.700.000	9.115,36		(24,70)
77	23/4/2023	69.954.617.579	7.700.000	9.085,01		(30,35)
78	24/4/2023	70.114.510.154	7.700.000	9.105,78		20,77
79	25/4/2023	69.268.441.237	7.700.000	8.995,90		(109,88)
80	26/4/2023	70.031.677.074	7.700.000	9.095,02		99,12
81	27/4/2023	70.018.242.182	7.700.000	9.093,27		(1,75)
82	30/4/2023	70.608.496.905	7.700.000	9.169,93		76,66
83	3/5/2023	70.596.499.018	7.700.000	9.168,37		(1,56)
84	4/5/2023	70.186.617.413	7.700.000	9.115,14		(53,23)
85	7/5/2023	69.916.677.503	7.700.000	9.080,08		(35,06)
86	8/5/2023	70.877.324.294	7.700.000	9.204,84		124,76
87	9/5/2023	70.914.195.879	7.700.000	9.209,63		4,79
88	10/5/2023	71.464.217.941	7.700.000	9.281,06		71,43
89	11/5/2023	71.366.226.745	7.700.000	9.268,34		(12,72)
90	14/5/2023	71.866.456.295	7.700.000	9.333,30		64,96
91	15/5/2023	71.952.389.764	7.700.000	9.344,46		11,16
92	16/5/2023	71.944.007.070	7.700.000	9.343,37		(1,09)
93	17/5/2023	71.122.549.030	7.700.000	9.236,69		(106,68)
94	18/5/2023	71.649.249.782	7.700.000	9.305,09		68,40
95	21/5/2023	71.915.398.550	7.700.000	9.339,66		34,57
96	22/5/2023	72.677.401.500	7.700.000	9.438,62		98,96
97	23/5/2023	72.480.746.383	7.700.000	9.413,08		(25,54)
98	24/5/2023	71.876.686.846	7.700.000	9.334,63		(78,45)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính		Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
				NAV VND		
99	25/5/2023	71.541.740.165	7.700.000	9.291,13		(43,50)
100	28/5/2023	71.584.422.374	7.700.000	9.296,67		5,54
101	29/5/2023	72.708.817.548	7.700.000	9.442,70		146,03
102	30/5/2023	72.941.325.707	7.700.000	9.472,89		30,19
103	31/5/2023	72.795.826.888	7.700.000	9.454,00		(18,89)
104	1/6/2023	73.664.607.004	7.700.000	9.566,83		112,83
105	4/6/2023	75.550.761.283	7.700.000	9.811,78		244,95
106	5/6/2023	75.518.512.474	7.700.000	9.807,59		(4,19)
107	6/6/2023	76.559.784.448	7.700.000	9.942,82		135,23
108	7/6/2023	76.487.662.007	7.700.000	9.933,46		(9,36)
109	8/6/2023	75.142.304.982	7.700.000	9.758,74		(174,72)
110	11/6/2023	75.858.618.050	7.700.000	9.851,76		93,02
111	12/6/2023	76.088.134.977	7.700.000	9.881,57		29,81
112	13/6/2023	76.135.306.178	7.700.000	9.887,70		6,13
113	14/6/2023	76.108.216.975	7.700.000	9.884,18		(3,52)
114	15/6/2023	76.124.022.012	7.700.000	9.886,23		2,05
115	18/6/2023	76.490.784.471	7.700.000	9.933,86		47,63
116	19/6/2023	76.036.489.297	7.700.000	9.874,86		(59,00)
117	20/6/2023	125.982.358.133	12.700.000	9.919,87		45,01
118	21/6/2023	126.847.183.114	12.700.000	9.987,96		68,09
119	22/6/2023	135.449.942.214	13.500.000	10.033,32		45,36
120	25/6/2023	136.762.465.651	13.500.000	10.130,55		97,23
121	26/6/2023	136.687.341.500	13.500.000	10.124,98		(5,57)
122	27/6/2023	136.345.619.731	13.500.000	10.099,67		(25,31)
123	28/6/2023	157.798.407.219	15.500.000	10.180,54		80,87
124	29/6/2023	200.456.953.918	20.000.000	10.022,84		(157,70)
125	30/6/2023	201.117.384.632	20.100.000	10.005,84		(17,00)
126	2/7/2023	201.104.818.275	20.100.000	10.005,21		(0,63)
127	3/7/2023	201.052.472.905	20.100.000	10.002,61		(2,60)
128	4/7/2023	202.353.571.537	20.100.000	10.067,34		64,73
129	5/7/2023	202.582.030.150	20.100.000	10.078,70		11,36
130	6/7/2023	212.782.584.288	21.300.000	9.989,79		(88,91)
131	9/7/2023	215.159.382.260	21.300.000	10.101,37		111,58
132	10/7/2023	217.139.133.224	21.300.000	10.194,32		92,95
133	11/7/2023	218.048.599.050	21.300.000	10.237,02		42,70
134	12/7/2023	218.746.369.201	21.500.000	10.174,24		(62,78)
135	13/7/2023	230.818.454.535	22.500.000	10.258,59		84,35
136	16/7/2023	255.277.350.816	24.900.000	10.252,10		(6,49)
137	17/7/2023	256.130.509.813	24.900.000	10.286,36		34,26
138	18/7/2023	258.192.486.406	24.900.000	10.369,17		82,81
139	19/7/2023	257.704.978.281	24.900.000	10.349,59		(19,58)
140	20/7/2023	257.491.921.900	24.900.000	10.341,04		(8,55)
141	23/7/2023	276.057.897.766	26.400.000	10.456,73		115,69
142	24/7/2023	284.207.803.930	27.000.000	10.526,21		69,48
143	25/7/2023	286.407.283.871	27.000.000	10.607,67		81,46
144	26/7/2023	286.571.088.476	27.000.000	10.613,74		6,07
145	27/7/2023	285.294.234.127	27.000.000	10.566,45		(47,29)
146	30/7/2023	288.396.512.541	27.000.000	10.681,35		114,90
147	31/7/2023	290.466.498.158	27.000.000	10.758,01		76,66
148	1/8/2023	289.742.950.733	27.000.000	10.731,22		(26,79)
149	2/8/2023	292.176.817.764	27.000.000	10.821,36		90,14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
				tại ngày tính NAV VND	
150	3/8/2023	290.218.072.627	27.000.000	10.748,81	(72,55)
151	6/8/2023	294.511.646.287	27.000.000	10.907,83	159,02
152	7/8/2023	299.448.102.477	27.000.000	11.090,67	182,84
153	8/8/2023	296.957.589.463	27.000.000	10.998,42	(92,25)
154	9/8/2023	296.254.112.835	27.000.000	10.972,37	(26,05)
155	10/8/2023	292.725.339.640	27.000.000	10.841,67	(130,70)
156	13/8/2023	294.584.577.788	27.000.000	10.910,53	68,86
157	14/8/2023	307.403.341.061	28.000.000	10.978,69	68,16
158	15/8/2023	306.327.567.612	28.000.000	10.940,27	(38,42)
159	16/8/2023	310.039.227.893	28.000.000	11.072,82	132,55
160	17/8/2023	308.518.569.463	28.000.000	11.018,52	(54,30)
161	20/8/2023	292.573.829.493	28.000.000	10.449,06	(569,46)
162	21/8/2023	295.356.613.439	28.000.000	10.548,45	99,39
163	22/8/2023	298.299.230.856	28.000.000	10.653,54	105,09
164	23/8/2023	294.978.808.807	28.000.000	10.534,95	(118,59)
165	24/8/2023	299.525.793.042	28.000.000	10.697,34	162,39
166	27/8/2023	298.107.631.990	28.000.000	10.646,70	(50,64)
167	28/8/2023	301.374.886.677	28.000.000	10.763,38	116,68
168	29/8/2023	303.128.266.562	28.000.000	10.826,00	62,62
169	30/8/2023	307.086.153.613	28.000.000	10.967,36	141,36
170	31/8/2023	309.809.505.198	28.000.000	11.064,62	97,26
171	4/9/2023	309.776.391.537	28.000.000	11.063,44	(1,18)
172	5/9/2023	312.271.969.705	28.000.000	11.152,57	89,13
173	6/9/2023	316.017.710.515	28.000.000	11.286,34	133,77
174	7/9/2023	316.093.178.820	28.000.000	11.289,04	2,70
175	10/9/2023	314.652.273.114	28.000.000	11.237,58	(51,46)
176	11/9/2023	310.284.874.111	28.000.000	11.081,60	(155,98)
177	12/9/2023	317.657.497.909	28.000.000	11.344,91	263,31
178	13/9/2023	316.321.575.166	28.000.000	11.297,19	(47,72)
179	14/9/2023	315.032.646.896	28.000.000	11.251,16	(46,03)
180	17/9/2023	316.681.223.581	28.000.000	11.310,04	58,88
181	18/9/2023	312.070.747.007	28.000.000	11.145,38	(164,66)
182	19/9/2023	311.225.067.028	28.000.000	11.115,18	(30,20)
183	20/9/2023	314.211.975.114	28.000.000	11.221,85	106,67
184	21/9/2023	309.340.653.118	28.000.000	11.047,88	(173,97)
185	24/9/2023	304.168.551.323	28.000.000	10.863,16	(184,72)
186	25/9/2023	292.520.851.322	28.000.000	10.447,17	(415,99)
187	26/9/2023	290.705.846.474	28.000.000	10.382,35	(64,82)
188	27/9/2023	296.086.989.015	28.000.000	10.574,53	192,18
189	28/9/2023	294.475.179.391	28.000.000	10.516,97	(57,56)
190	30/9/2023	295.337.449.641	28.000.000	10.547,76	30,79
191	1/10/2023	295.329.502.935	28.000.000	10.547,48	(0,28)
192	2/10/2023	294.848.398.737	28.000.000	10.530,29	(17,19)
193	3/10/2023	285.079.639.859	28.000.000	10.181,41	(348,88)
194	4/10/2023	287.657.893.366	28.000.000	10.273,49	92,08
195	5/10/2023	284.106.083.525	28.000.000	10.146,64	(126,85)
196	8/10/2023	288.760.980.516	28.000.000	10.312,89	166,25
197	9/10/2023	292.086.597.854	28.000.000	10.431,66	118,77
198	10/10/2023	294.133.102.212	28.000.000	10.504,75	73,09
199	11/10/2023	296.833.430.368	28.000.000	10.601,19	96,44
200	12/10/2023	296.307.820.051	28.000.000	10.582,42	(18,77)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
201	15/10/2023	295.966.079.541	28.000.000	10.570,21	(12,21)
202	16/10/2023	292.314.822.065	28.000.000	10.439,81	(130,40)
203	17/10/2023	290.086.905.163	28.000.000	10.360,24	(79,57)
204	18/10/2023	287.024.505.399	28.000.000	10.250,87	(109,37)
205	19/10/2023	281.252.092.234	28.000.000	10.044,71	(206,16)
206	22/10/2023	286.591.473.187	28.000.000	10.235,40	190,69
207	23/10/2023	283.586.343.702	28.000.000	10.128,08	(107,32)
208	24/10/2023	287.505.661.670	28.000.000	10.268,05	139,97
209	25/10/2023	286.027.648.859	28.000.000	10.215,27	(52,78)
210	26/10/2023	274.425.112.270	28.000.000	9.800,89	(414,38)
211	29/10/2023	278.463.418.046	28.000.000	9.945,12	144,23
212	30/10/2023	271.423.696.410	28.000.000	9.693,70	(251,42)
213	31/10/2023	269.957.449.965	28.000.000	9.641,33	(52,37)
214	1/11/2023	273.787.926.870	28.000.000	9.778,14	136,81
215	2/11/2023	283.039.288.972	28.000.000	10.108,54	330,40
216	5/11/2023	282.282.564.957	28.000.000	10.081,52	(27,02)
217	6/11/2023	287.471.944.719	28.000.000	10.266,85	185,33
218	7/11/2023	284.142.019.959	28.000.000	10.147,92	(118,93)
219	8/11/2023	294.226.491.283	28.000.000	10.508,08	360,16
220	9/11/2023	292.538.867.461	28.000.000	10.447,81	(60,27)
221	12/11/2023	288.955.852.060	28.000.000	10.319,85	(127,96)
222	13/11/2023	288.336.854.419	28.000.000	10.297,74	(22,11)
223	14/11/2023	293.546.135.659	28.000.000	10.483,79	186,05
224	15/11/2023	296.751.189.272	28.000.000	10.598,25	114,46
225	16/11/2023	297.516.482.656	28.000.000	10.625,58	27,33
226	19/11/2023	290.255.090.159	28.000.000	10.366,25	(259,33)
227	20/11/2023	291.338.508.964	28.000.000	10.404,94	38,69
228	21/11/2023	292.534.139.005	28.000.000	10.447,64	42,70
229	22/11/2023	293.693.519.370	28.000.000	10.489,05	41,41
230	23/11/2023	286.059.674.783	28.000.000	10.216,41	(272,64)
231	26/11/2023	287.538.281.338	28.000.000	10.269,22	52,81
232	27/11/2023	283.126.667.565	28.000.000	10.111,66	(157,56)
233	28/11/2023	285.674.292.913	28.000.000	10.202,65	90,99
234	29/11/2023	286.141.940.961	28.000.000	10.219,35	16,70
235	30/11/2023	284.620.980.731	28.000.000	10.165,03	(54,32)
236	3/12/2023	286.454.957.528	28.000.000	10.230,53	65,50
237	4/12/2023	291.796.841.126	28.000.000	10.421,31	190,78
238	5/12/2023	289.581.311.330	28.000.000	10.342,18	(79,13)
239	6/12/2023	292.523.722.034	28.000.000	10.447,27	105,09
240	7/12/2023	293.365.481.597	28.000.000	10.477,33	30,06
241	10/12/2023	292.929.476.886	28.000.000	10.461,76	(15,57)
242	11/12/2023	291.837.634.558	28.000.000	10.422,77	(38,99)
243	12/12/2023	292.237.321.457	28.000.000	10.437,04	14,27
244	13/12/2023	288.594.874.977	28.000.000	10.306,95	(130,09)
245	14/12/2023	287.528.374.390	28.000.000	10.268,87	(38,08)
246	17/12/2023	286.770.445.881	28.000.000	10.241,80	(27,07)
247	18/12/2023	283.416.032.029	28.000.000	10.122,00	(119,80)
248	19/12/2023	285.567.046.471	28.000.000	10.198,82	76,82
249	20/12/2023	285.933.560.186	28.000.000	10.211,91	13,09
250	21/12/2023	285.660.312.667	28.000.000	10.202,15	(9,76)
251	24/12/2023	286.199.601.657	28.000.000	10.221,41	19,26

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ	
				tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
252	25/12/2023	288.872.582.632	28.000.000	10.316,87	95,46
253	26/12/2023	289.222.039.134	28.000.000	10.329,35	12,48
254	27/12/2023	289.726.720.329	28.000.000	10.347,38	18,03
255	28/12/2023	292.930.360.868	28.000.000	10.461,79	114,41
256	31/12/2023	294.926.449.265	28.000.000	10.533,08	71,29

Chi tiết biến động giá trị tài sản ròng trong năm:

<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG</b>	
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND)	181.808.647.263
Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ETF	
- Mức cao nhất trong năm (VND)	569,46
- Mức thấp nhất trong năm (VND)	0,28
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm	
- Mức cao nhất trong năm (VND)	11.344,91
- Mức thấp nhất trong năm (VND)	8.423,82

**19. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH**

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	Chứng chỉ quỹ	Chứng chỉ quỹ
Đến một năm	<b>28.000.000</b>	<b>7.700.000</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC**

**20.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

**Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ**

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				
			Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	
Công ty TNHH Công ty Quản lý Quỹ KIM Quản lý Quỹ Việt Nam		Phí quản lý Quỹ	(33.746.572)	(1.090.910.659)	977.187.725	(147.469.506)	1.090.910.659
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	(16.500.000)	(60.000.000)	63.000.000	(13.500.000)	60.000.000



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**  
**Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT**

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)**

**20.2 Các hợp đồng then chốt khác**

**Ngân hàng Giám sát**

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (“Ngân hàng Giám sát”), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và phí dịch vụ lưu ký là 0,06% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 20.000.000 VND một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				
			Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán Phải trả dịch vụ giám sát Phải trả dịch vụ quản trị quỹ Phí ngân hàng	287.643.991 (20.000.000) - (5.500.000) (16.500.000) -	(89.329.375.283) (240.000.000) (18.438.883) (66.205.553) (198.000.000) (1.848.002)	89.835.814.057 240.000.000 18.438.883 66.204.487 198.000.000 1.848.002	794.082.765 (20.000.000) - (5.501.066) (16.500.000) -	Chi phí VND 240.000.000 18.438.883 66.205.553 198.000.000 1.848.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Năm nay (%)	Năm 2022 (%)
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,27	3,06
Tốc độ vòng quay danh mục	17,37	23,08

**21.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động**

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ ETF tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí hoán đổi, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc hoán đổi, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

**21.2 Tốc độ vòng quay danh mục**

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ ETF trong một (1) năm. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm}) / 2 * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các khoản tiền gửi thanh toán, có rủi ro lãi suất thấp tại ngày lập báo cáo tài chính.

### *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### *Rủi ro thị trường (tiếp theo)*

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết*

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 294.717.613.350 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ giảm 29.471.761.335 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ tăng lên 29.471.761.335 VND.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì Quỹ duy trì số dư tiền gửi tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là dự thu cổ tức tại thời điểm cuối năm tài chính có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)*

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Bất kỳ lúc nào VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Tài sản</b>			
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	794.082.765	-	794.082.765
Các khoản đầu tư	-	294.717.613.350	294.717.613.350
<b>Tổng tài sản</b>	<b>794.082.765</b>	<b>294.717.613.350</b>	<b>295.511.696.115</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Chi phí phải trả	-	140.400.000	140.400.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	-	429.846.850	429.846.850
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>570.246.850</b>	<b>570.246.850</b>
<b>Mức chênh thanh khoản ròng</b>	<b>794.082.765</b>	<b>294.147.366.500</b>	<b>294.941.449.265</b>

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 23. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ VNĐ</i>	<i>Giá trị hợp lý VNĐ</i>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	794.082.765	794.082.765
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	794.082.765	794.082.765
Các khoản đầu tư thuần	294.717.613.350	294.717.613.350
- Cổ phiếu niêm yết	294.717.613.350	294.717.613.350
	<b>295.511.696.115</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Chi phí phải trả	140.400.000	(*)
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	429.846.850	(*)
	<b>570.246.850</b>	

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các quỹ hoán đổi danh mục và các quy định của Bộ Tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, chi phí phải trả, phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý  
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yuri Chang Jin  
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

